

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

TƯƠNG ĐẬU ĐẶC BIỆT
HADAY SIGNATURE SOYBEAN SAUCE

TCCS 29/VDN/2023

CÔNG TY CP HH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3825111 **Fax:** 0251.3825138

Email: dl-hha@vedaninternational.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 29/VDN/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: dl-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG ĐẬU ĐẶC BIỆT - HADAY SIGNATURE SOYBEAN SAUCE.

2. Thành phần: Nước, đậu nành (19%), đường cát trắng, muối ăn, bột mì (Gluten), chiết xuất nấm men, chất điều vị (621), dấm ăn, chất làm dày (415), chất bảo quản (202), lúa mì (Gluten).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh): 230 g, 340 g, 800 g và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong hũ (chai) thủy tinh.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Công ty trách nhiệm hữu hạn gia vị thực phẩm Hải Thiên (Cao Minh) thành phố Phật Sơn.

Địa chỉ: (Số 889 đại lộ Cao Minh) khu Đồng khu công nghiệp Thương Giang, khu Cao Minh, thành phố Phật Sơn, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm "Tương đậu đặc biệt -



Haday signature Soybean sauce” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6 mục 6.8.1).
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.6, 2.2).
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.12, 2.24, 3.30, 4.9).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Đồng Nai, ngày 27 tháng 05 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CHIH HAO



6 902265 003076

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Tren 100 g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	172 kcal	9 %
Chất đạm (Protein)	9.3 g	13 %
Carbohydrate	18.9 g	6 %
Đường tổng số (Total Sugars)	17.7 g	35 %
Chất béo (Fat)	5.8 g	10 %
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	0.5 g	3 %
Natri (Sodium)	2779 mg	189 %

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.

Produced in China

Manufacturer: Foshan Haitian (Gaoming) Flavouring & Food Co., Ltd.
Address: Eastern Park (NO.189 GAOMING ROAD), Cangjiang Industrial Park, Gaoming District, Foshan Guangdong, China

haday Yes! Soybeans

TƯƠNG ĐẬU ĐẶC BIỆT

HADAY SIGNATURE SOYBEAN SAUCE

Khối lượng tịnh / Net Weight: 230 g

Thành phần: Nước, đậu nành (19%), đường cát trắng, muối ăn, bột mì (Gluten), chiết xuất nấm men, chất điều vị (G21), dấm ăn, chất làm dày (A15), chất bảo quản (202), hương mì (Gluten). / Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với đậu nành và lúa mì (Gluten). / Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem "MFG" "EXP" trên bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, sau khi mở nắp vui lòng bảo quản lạnh.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng cho các món trộn, xào và nấu.

Sản xuất tại: Trung Quốc

Nhà sản xuất: Công ty trách nhiệm hữu hạn gia vị thực phẩm Hải Thiên (Cao Minh) thành phố Phật Sơn

Địa chỉ: (Số 189 Đại Lộ Cao Minh) Khu Đông Khu công nghiệp Thường Giang, Khu Cao Minh, thành phố Phật Sơn, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Ingredients: Water, soybeans (19%), sugar, salt, wheat flour (Gluten), yeast extract, flavour enhancer (G21), brewed vinegar, thickeners (A15), preservative (202), wheat (Gluten).

Warnings: Do not use for people allergic to soybeans and wheat (Gluten).

Production date / Expiry date: See MFG, EXP on the package.

Instructions for storage: Store in a cool, dry place. Keep refrigerated after opening.

Instructions for use: Serve with cold dish or stir-fry cooking.

经销商喷印位
36.5*29mm





包装物设计信息表 (标签)

名称	800g出口海天招牌黄豆酱机用PET套标(厚度45 μm)(越南版)		
信息	领标	无	折级*高 154*167 (PET套标)
	版次	202302-01	材质 PET套标
	物料编码	25208000160	
颜色规格			
	印版数量: 【 8 】		
备注要求	☐ 颜色与旧版颜色一致;		
	☒ 颜色参照内增加颜色系列;		
	☐ 颜色严格按照附件色号;		
	☐ 需海天设计人员签字后再印刷。		
新增	注意, 各元素预变形的的位置及大小先按测试确认的预变形效果做文件!		
是否标准图	☒ 不涉及	☐ 升卷1 逆时针向右出标 	☐ 升卷2 顺时针向左出标 
输出人: 曾广		联系电话: 13420761923	

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TCCS 29/VDN/2023

Free hotline: 1800 599 902



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00036162
Mã số kết quả : AR-23-VD-045045-01-VI / EUVNHC-00208214



Công Ty Cổ Phần Hữu Hạn VEDAN Việt Nam
Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành
Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu : TƯƠNG ĐAU ĐẶC BIỆT - HADAY SIGNATURE SOYBEAN PASTE
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu : 28/03/2023
Thời gian thử nghiệm : 29/03/2023 - 14/04/2023
Ngày hạn trả kết quả khách hàng : 14/04/2023
Mã số PO của khách hàng : B8SP2303272840
Mã số mẫu Eol : 005-32410-178905



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
4	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
5	VD2NW VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/ g	TCVN 4830-3:2005 (ISO 6888-3:2003)	Không phát hiện (LOD=0)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD129 VD (a) Carbohydrates	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5237 (FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2, section 2.3:2003)	22.9
9	VD165 VD (a) Béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Phát hiện vết (<0.3)
10	VD263 VD (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	4.54
11	VD304 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	14.6
12	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003/77	111
13	VD0BN VD (a) Acid béo bão hòa	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	0.060
14	VD269 VD (a) Muối (NaCl)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3501 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	10.5
15	VD279 VD (a) Natri (Na)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500	5.86
16	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.03)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
18	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.14
19	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
20	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
21	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
22	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
23	VD008 VD 3-MCPD (MonoChloroPropaneDiol)-dạng tự do	mg/ kg	EHC-TP1-005 (Ref. AOAC 2000.01-2000, 3-chloro-1,2-propanediol)	Không phát hiện (LOD=0.1)
24	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	Màu vàng nâu đen đặc trưng của sản phẩm.
25	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
26	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	Dạng sợi, đồng nhất.
27	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc Food & Feed Testing Vietnam

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 08/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 08/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ; các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số; thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi.